

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị
của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đã rà soát, thẩm định kết quả đánh giá và nhất trí điều chỉnh mức đánh giá Tiêu chí 1.1 từ mức 5 thành mức 4; Tiêu chí 10.4 từ mức 5 thành mức 4; Tiêu chí 11.4 từ mức 5 thành mức 4.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 48 tiêu chí chiếm 96%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường KHLN&NT, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị
của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4	4,00	3	100	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	48	96



Phụ lục II

KIỆN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025

của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định của Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng với cấu trúc hoàn chỉnh gồm kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm; có sự gắn kết với các mục tiêu đào tạo, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin theo quy định, được rà soát, cập nhật, bổ sung, thể hiện rõ định hướng cải tiến và tăng cường tính ứng dụng của CTĐT. Đề cương học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, bảo đảm có đầy đủ các thành phần; được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, phản ánh xu thế phát triển đô thị hiện đại. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố rộng rãi, đảm tính công khai, minh bạch và tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận thông tin một cách đầy đủ và thuận lợi.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. Khối thực hành, thực tập và tốt nghiệp tạo điều kiện kiểm chứng năng lực thông qua sản phẩm thực tế. Các phương thức dạy và học, hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học tập. Cấu trúc và liên thông giữa các khối kiến thức, CTĐT được tổ chức theo trình tự phát triển học thuật gồm khối kiến thức chung, tiếp đến khối cơ sở và chuyên ngành, sau cùng là thực tập và tốt nghiệp, bảo đảm mức độ phức tạp tăng dần và liên thông dọc về kiến thức và kỹ năng. CTĐT được rà soát định kỳ, thực hiện đối sánh với các CTĐT tương tự trong nước và quốc tế, đảm bảo tính cập nhật và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan, được truyền tải, thể hiện trong CTĐT. CTĐT được tổ chức dạy và học theo định hướng phát triển năng lực: Khối học phần phương pháp - công cụ tạo nền tảng phân tích; khối học phần ứng dụng - tích hợp nhân mạnh dự án, hiện trường và seminar. Mỗi học phần được triển khai theo chuỗi trước, trong và sau giờ học, qua đó người học chủ động tham gia và có minh chứng về kết quả. Kỹ năng nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời được bồi dưỡng qua dự án, thực địa, trình bày, thảo luận học thuật và yêu cầu tự học có hướng dẫn; học phần thực tập tạo điều kiện trải nghiệm nghề nghiệp thực. Khảo

sát nhiều năm ghi nhận mức hài lòng của giảng viên và người học ổn định ở ngưỡng khá đến tốt.

5. Khung quy định và hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá được ban hành đầy đủ ở cả cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, cấp Trường, bảo đảm tính thống nhất trong cơ cấu điểm. Tài liệu hướng dẫn thiết kế công cụ đánh giá theo chuẩn đầu ra của thang nhận thức Bloom đã được áp dụng, kèm ma trận liên kết chuẩn đầu ra - học phần- công cụ và mẫu rubric dùng chung, góp phần nâng độ phù hợp và minh bạch. Phương pháp đánh giá đa dạng, phù hợp với đặc trưng của đào tạo sau đại học. Cơ chế công khai kế hoạch, lịch và kết quả đánh giá được triển khai đồng bộ, bảo đảm phản hồi kịp thời theo thời hạn quy định, người học hài lòng ở cao. Quy trình khiếu nại, phúc tra được thiết kế chặt chẽ, công bố qua nhiều kênh và có đầu mối hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận.

6. Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên được thực hiện dựa trên Chiến lược phát triển của Trường đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và trình độ. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi theo từng vị trí chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại hằng năm. Quy định về tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng và được công khai. Các tiêu chí đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên được xác định dựa trên quy định giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ khác theo các quy định của Nhà trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Loại hình, số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định. Đội ngũ giảng viên thực hiện thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học, có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, có 107 bài trên tạp chí WoS/Scopus, có 05 giải thưởng về nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện theo các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, hướng dẫn của Trường với quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Việc đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động được hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, phân loại. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ được thực hiện theo các quy định, kế hoạch của Đại học Quốc gia Hà Nội và dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị chức năng trong Trường.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đào tạo trình độ thạc sĩ được xác định rõ ràng theo quy định định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường, được lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, rà soát và đánh giá hằng năm. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quy định rõ ràng, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn và hỗ trợ trong học tập, tư

vấn việc làm. Môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và thực hiện khá nhiều giải pháp xây dựng môi trường sư phạm sinh động, đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Nhà trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng cùng các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trung tâm Thư viện - Tri thức số Đại học Quốc gia Hà Nội có đầy đủ các phòng chức năng, khu phụ trợ, các trang thiết bị và đảm bảo cung cấp đủ học liệu phục vụ CTĐT. Thư viện cung cấp các tiện ích đọc, mượn, tự học, họp nhóm và được quản lý bởi phần mềm Virtua, đảm bảo đủ dữ liệu theo dõi các hoạt động của Thư viện. CTĐT có đủ phòng thực hành tin học, thực hành chuyên môn với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, trang bị đầy đủ hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Trường xác định khá rõ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ và an toàn, tổ chức thực hiện khá đầy đủ các tiêu chuẩn đã được xác định.

10. Nhà trường duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng được thiết lập bài bản theo khung của Đại học Quốc gia Hà Nội, vận hành theo chu trình PDCA, có phân công rõ ràng ở các cấp và cơ chế khảo sát đa chủ thể (người học, giảng viên, cựu người học, nhà sử dụng lao động). Quy trình thiết kế-phát triển chương trình được quy định đầy đủ, có thẩm định và điều chỉnh định kỳ; sau các đợt điều chỉnh, đề cương học phần, phương pháp dạy học và đánh giá được rà soát cập nhật, bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá được chuẩn hóa, minh bạch, quản lý trên phần mềm; có tính thích nghi tốt trong bối cảnh đặc thù; kết quả khảo sát ý kiến người học khá tích cực. Nghiên cứu khoa học của giảng viên đa dạng cấp độ, gắn lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị và được chuyển tải vào học liệu, chuyên đề, seminar; tất cả học viên của CTĐT đều tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện định hướng học tập dựa trên nghiên cứu. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được khảo sát thường niên, có cải tiến cơ sở vật chất, môi trường học tập an toàn; cơ chế phản hồi được củng cố bằng chính sách chất lượng, bộ máy chuyên trách và các khảo sát định kỳ.

11. Nhà trường đã thiết kế và vận hành đồng bộ các cơ chế đo lường, theo dõi và đối sánh cho toàn bộ hoạt động trong quá trình triển khai CTĐT ngành Quản lý phát triển đô thị. CTĐT đã xây dựng được cơ chế xác lập, giám sát và đối sánh các chỉ số quan trọng một cách có hệ thống. Tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp, dữ liệu được thu thập đầy đủ từ các khóa học, cho thấy xu hướng tích cực với tỷ lệ tốt nghiệp tăng và thôi học giảm, kèm theo phân tích nguyên nhân và biện pháp can thiệp kịp thời. Thời gian tốt nghiệp trung bình được tính toán chi tiết, có phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn và triển khai các giải pháp hỗ trợ hiệu quả, dẫn đến cải thiện rõ rệt qua các khóa. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp đạt mức cao với quy trình theo dõi định kỳ, bao gồm thông tin chi tiết về vị trí, thu nhập và đơn vị công tác, đồng thời có hoạt động phân tích và đề xuất biện pháp hỗ trợ nghề nghiệp dựa trên phản hồi thực tế. Hoạt động nghiên cứu của người học được khuyến khích và hỗ trợ tích cực, với số lượng sự kiện học thuật tăng mạnh, có cơ chế giám sát và quỹ hỗ trợ nghiên cứu nội bộ. Hệ thống khảo sát mức độ hài lòng

được tổ chức định kỳ cho các bên liên quan, kết quả được phân tích và sử dụng làm cơ sở để cải tiến CTĐT và dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Cụ thể hóa chuẩn đầu ra bằng các chỉ báo đo lường được, bổ sung sự gắn kết với định hướng đào tạo Trường nhằm tạo bản sắc riêng; thiết lập ma trận liên kết mục tiêu - chuẩn đầu ra - học phần - vị trí việc làm để nâng cao tính minh chứng và khả năng đối sánh với nhu cầu nghề nghiệp; duy trì định kỳ hoạt động rà soát, điều chỉnh cụ thể dựa trên phản hồi từ tất cả các bên liên quan; công tác công bố công khai cần được tăng cường theo hướng trực quan, minh bạch và dễ tiếp cận.

2. Chuẩn hóa và chi tiết hóa hơn nội dung bản mô tả CTĐT; bổ sung đầy đủ các thông tin trong mục tóm tắt đề cương học phần theo yêu cầu, làm rõ các yếu tố hỗ trợ như điều kiện tiên quyết, khối lượng giờ học và giờ tự học, cũng như hướng dẫn lộ trình đăng ký học phần; tích hợp đầy đủ hơn những xu thế mới của lĩnh vực Quản lý phát triển đô thị, cũng như các yêu cầu môi trường - xã hội - quản trị, các mục tiêu phát triển bền vững; xây dựng cơ chế quản lý phiên bản và nhật ký thay đổi cho bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nhằm bảo đảm minh bạch và khả năng kiểm chứng; phát triển một cổng thông tin tập trung, thống nhất để công bố và tra cứu toàn bộ thông tin CTĐT, giúp cựu người học, nhà tuyển dụng và đối tác tiếp cận dễ dàng và thuận tiện hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin phục vụ tư vấn, hợp tác và giám sát chất lượng đào tạo.

3. Rà soát, hoàn thiện ma trận liên kết chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần; ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra học phần ở mức chỉ báo; rà soát đề cương các học phần, bổ sung bảng quy chiếu chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT; rà soát, đánh giá mức độ đóng góp của mỗi học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; hoàn thiện thông tin mã số và điều kiện học thuật, ban hành ma trận thiết kế đề thi theo chuẩn đầu ra của CTĐT; đối sánh và sử dụng kết quả đối sánh CTĐT với vào các học phần trong CTĐT đảm bảo tính cập nhật và tích hợp.

4. Chuẩn hóa và quản lý phiên bản các tuyên bố triết lý giáo dục của Trường; khảo sát, đánh giá hiệu quả phổ biến triết lý giáo dục đến giảng viên, người học và khối hỗ trợ, kèm chỉ số theo dõi mức độ thấu hiểu và thực thi; áp dụng thống nhất ma trận rút gọn trong tất cả đề cương, thể hiện mối liên kết giữa chuẩn đầu ra học phần, hoạt động dạy và học; bổ sung tối thiểu một nhiệm vụ tích hợp bắt buộc ở học phần ứng dụng và chuyên đề; ban hành hướng dẫn thống nhất cho hoạt động tự học, thảo luận nhóm và seminar; áp dụng nhật ký công việc cá nhân, phiếu đánh giá vai trò và công thức quy đổi điểm minh bạch với học phần

thực tập; xây dựng “Bộ tự học có hướng dẫn” ở cấp CTĐT và lồng ghép vào từng đề cương, tích hợp bắt buộc 2 vòng phản hồi có cấu trúc về kỹ năng cho mọi học phần có sản phẩm; khuyến nghị dùng hồ sơ học tập điện tử để lưu vết sản phẩm, phản hồi và tự đánh giá, qua đó lượng hóa tiến bộ kỹ năng và củng cố năng lực học tập suốt đời.

5. Chuẩn hóa cấu trúc bắt buộc của đề cương học phần, thể hiện rõ bảng liên kết đánh giá “chuẩn đầu ra - hoạt động dạy học - công cụ đánh - thang mô tả tiêu chí - trọng số” và ma trận đề thi để kiểm soát độ phủ chuẩn đầu ra và đại diện nội dung; ban hành quy trình thường quy cho giai đoạn sau thi: Phân tích độ khó, độ phân biệt, rà soát rubric; thiết lập bộ chỉ số và bảng điều khiển theo dõi phản hồi ở cấp CTĐT, sử dụng kết quả để cải tiến cho học kỳ sau; chuẩn hóa kênh công bố chính thức tại cổng thông tin, website, quy định thời hạn phát hành đề cương, áp dụng nhật ký thay đổi khi điều chỉnh và thực hiện kiểm tra chéo định kỳ ở cấp điều phối, bộ môn; tăng cường phổ biến và kiểm thử quy trình khiếu nại để đánh giá thời gian xử lý và chất lượng phản hồi; thống kê loại hình, thời gian giải quyết, tỷ lệ đồng thuận để phục vụ cải tiến liên tục.

6. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên gắn với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; ban hành quy định về tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ (KPIs) để tạo động lực cho giảng viên; có phần mềm tổng thể quản lý đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên với đầy đủ các dữ liệu liên quan đến hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định để có thể quản trị, giám sát các hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên; xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trong đó có các khóa đào tạo tăng cường năng lực của giảng viên về phát triển CTĐT, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về khoa học công nghệ trong chiến lược phát triển trường các giai đoạn, làm căn cứ xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phụ vụ; rà soát, đánh giá và đưa ra các tiêu chuẩn năng lực đối với từng vị trí nhân viên hỗ trợ, đặc biệt năng lực phục vụ cộng đồng vào đề án vị trí việc làm để đảm bảo tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng vị trí việc làm; xây dựng hệ thống đánh giá theo KPIs để thuận lợi cho việc đánh giá phân loại tạo động lực cho nhân viên trong thực hiện công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường; xây dựng và ban hành quy định về quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên như: giao KPIs và đánh giá việc thực hiện KPIs theo tháng, học kỳ.

8. Chú trọng khảo sát, thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan làm căn cứ rà soát, điều chỉnh các chính sách tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển người học phù hợp thực tế hơn, bổ sung các chính sách thu hút người học, đa dạng các phương thức xét tuyển người học và đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh sau đại học; quan tâm đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo sau đại học giúp cho công

tác giám sát sự tiến bộ của người học đào tạo trình độ thạc sĩ hiệu quả hơn; đổi mới các hình thức, phương pháp tư vấn và hỗ trợ người học phù hợp hơn với người học đào tạo trình độ thạc sĩ, xây dựng cơ chế tạo điều kiện cho họ được tham gia đầy đủ; tổ chức hội nghị/hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học để xây dựng kế hoạch cải tiến; thiết kế, xây dựng bổ sung khu nhà để xe, không gian cho các hoạt động ngoài giờ đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và người học.

9. Xây dựng cơ chế phối hợp, phương pháp làm việc phù hợp đảm bảo các hoạt động của Nhà trường được thông suốt và hiệu quả; đẩy mạnh số hoá tài liệu nội sinh, thiết lập cơ sở học liệu riêng và xây dựng cơ chế liên thông phù hợp với Trung tâm Thư viện - Tri thức số giúp cho cán bộ giảng viên và người học truy cập khai thác học liệu được thuận tiện hơn; xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành giúp cho công tác đầu tư được hiệu quả hơn; quan tâm đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của Trường đồng bộ với hệ thống công nghệ thông tin của Đại học Quốc gia Hà Nội đảm bảo việc vận hành được thông suốt, truy cập thuận tiện; xây dựng bộ tiêu chuẩn (KPIs) về môi trường, sức khỏe và an toàn cụ thể giúp cán bộ giảng viên và người học thực hiện được chủ động; thiết kế lại bộ câu hỏi phản hồi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn (lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật) đầy đủ và sâu hơn.

10. Hoàn thiện khung đo lường bằng bộ KPI, chuẩn hóa quy trình tự đánh giá, quy trình và cơ chế phản hồi, thiết lập cơ chế đối sánh với bên ngoài; mở rộng kênh phản hồi tới cựu học viên, nhà sử dụng lao động và giảng viên, tăng cường phỏng vấn nhóm, phân tích định tính; xây dựng ma trận chuẩn đầu ra - học phần - phương pháp đánh giá, áp dụng rubric theo chuẩn đầu ra và báo cáo định kỳ mức độ đạt chuẩn đầu ra; chuẩn hóa tích hợp nghiên cứu khoa học vào giảng dạy bằng ma trận nghiên cứu khoa học - CTĐT, cơ chế cập nhật nhanh học liệu giữa các chu kỳ, phát triển kho học liệu số; tăng cường quản trị chất lượng dịch vụ hỗ trợ với KPI theo dịch vụ, công bố báo cáo chất lượng hằng năm, đẩy nhanh số hóa học liệu chuyên ngành; thiết lập cơ chế phản hồi minh bạch.

11. Chuẩn hóa hệ thống chỉ số và đo lường, tách riêng tỷ lệ việc làm 6 tháng và 12 tháng, tỉ lệ người học đã có việc làm trước khi tham gia CTĐT; thống kê nghiên cứu khoa học học viên theo loại hình, chất lượng và số lượng hằng năm; thiết lập bộ KPI mục tiêu và dashboard theo dõi các chỉ số chính, tích hợp mô hình cảnh báo sớm dựa trên dữ liệu học vụ và tiến độ; mở rộng đối sánh bên ngoài với CTĐT tương đồng và tham chiếu báo cáo thị trường lao động phù hợp với lĩnh vực đào tạo; tăng cường đánh giá tác động định lượng các biện pháp hỗ trợ, đặc biệt về cố vấn học thuật, quy trình luận văn/dự án, kết nối doanh nghiệp và hoạt động nghiên cứu; chuẩn hóa và thẩm định công cụ khảo sát hài lòng (độ tin cậy/hiệu lực), phân tách kết quả theo nhóm đối tượng và công bố kế hoạch, kết quả cải tiến CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài

của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý phát triển đô thị của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.